

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàn Thiện;

Bà Huỳnh Thị Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị C, sinh năm: 1973;

Cư trú tại: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn X, sinh năm: 1975;

Cư trú tại: Khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Hà Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Tấn X tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng đăng ký kết hôn ngày 19/12/2011, số 92 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Quá trình sống chung với nhau, ông X nhiều lần cờ bạc, đánh đập, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân thời gian 03 năm nay. Do tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 03/6/1998, Nguyễn Tấn V, sinh ngày 06/7/2002, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Tấn X quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Về hôn nhân: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P năm 2011 như nguyên đơn đã trình bày. Quá trình sống chung với nhau, vợ chồng do mâu thuẫn hai bên không còn tình cảm gì đã ly thân như bà C trình bày. Tuy nhiên, hiện nay còn 01 người con trai chưa cưới vợ, do mong muốn con có cả cha lẫn mẹ đầy đủ để lo cho con nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 03/6/1998, Nguyễn Tấn V, sinh ngày 06/7/2002, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thống nhất giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn. Bị đơn vắng mặt và có yêu cầu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Hà Thị C yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Tấn X có địa chỉ tại khu phố Đ2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Tấn X vắng mặt lần thứ nhất, nhưng có đơn trình bày yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào các Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Hà Thị C và bị đơn Nguyễn Tấn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/12/2011, số 92 tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hà Thị C xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Tấn X thấy rằng: Nguyên đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, chồng thường hay cờ bạc và

đánh đập vợ, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân thời gian khoảng 03 năm.

Bị đơn cũng đồng ý vợ chồng đã không còn tình cảm và hiện nay đã sống ly thân. Nhưng bị đơn cho rằng con trai út chưa lập gia đình, cần có cha, mẹ đầy đủ để lo cho con nên không đồng ý ly hôn.

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên đã sống chung với nhau có phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến phải sống ly thân đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. HĐXX thấy rằng yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp theo Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày, bà C và ông X chung sống với nhau từ năm 1993, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn, trước đây ông X có tên thường gọi Nguyễn Tấn X1, nên có đi đăng ký khai sinh con chung Q và V để tên cha là Nguyễn Tấn X1.

Bà C khai vợ chồng ông, bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 03/6/1998, Nguyễn Tấn V, sinh ngày 06/7/2002 và Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006, việc này được ông X thừa nhận tại bản tự khai ngày 10/8/2023. Đây là sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo Điều 92 BLTTDS.

Hiện nay các con Nguyễn Thị Hồng Q và Nguyễn Tấn V đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006, không yêu cầu cấp dưỡng, bị đơn thống nhất và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T, phù hợp với quy định của pháp luật quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy HĐXX chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Hà Thị C được ly hôn với bị đơn Nguyễn Tấn X.

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q, sinh ngày 03/6/1998, Nguyễn Tấn V, sinh ngày 06/7/2002, Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006. Hiện nay các con Q và V đã trưởng thành các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét giải quyết. Giao con chung Nguyễn Tấn T, sinh ngày 15/6/2006, cho nguyên đơn Hà Thị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Hà Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0010096 ngày 01/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - TAND tỉnh Phú Yên;
 - VKSND tỉnh Phú Yên;
 - UBND thị trấn P
- (CNKH số 92 ngày 19/12/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Trương Thị Thu Hiền